

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DI LINH  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-8-2024  
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K' My Na.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông K' Đào;
2. Ông Đào Duy Trâm.

*Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa: Ông K' Dem- Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 19-3-2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26-6-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐST-DS ngày 15-7-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/QĐST-DS ngày 02-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Ka T**, sinh năm 1998

Địa chỉ: **Số I thôn K, xã S, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**

+ Bị đơn: Ông K' Lôs, sinh năm 1993.

Địa chỉ: **Số C thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.**

Bà **T** có mặt, ông **L** vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa bà **T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **L** tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại **UBND xã S, huyện D**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông **L** không quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông **L** có 02 con chung tên K' Xuân Luys, sinh ngày 03-11-2013 và **Ka Kim A**, sinh ngày 12-7-2019, hiện các con đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản: Tài sản chung và tài sản cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tài sản nợ chung; Nợ đại lý **T1** xuyên số tiền 78.000.000đ, nợ **ngân hàng C** số tiền 50.000.000đ. Khi ly hôn bà có trách nhiệm trả cho **đại lý T3**, còn ông **L** trả cho **ngân hàng C**.

Bị đơn ông **L** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông **L** trình bày: Ông và bà **T** tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2013, đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại **UBND xã S, huyện D**. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà **T** sống không chung thủy dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với bà **T**.

Về con chung: Ông và bà **T** có 02 con chung tên K' Xuân Luys, sinh ngày 03-11-2013 và **Ka Kim A**, sinh ngày 12-7-2019. Khi ly hôn ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **A** đồng ý giao cháu **L1** cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản cho vay chung không có.

Tài sản nợ chung; Nợ **ngân hàng C** số tiền 50.000.000đ. Khi ly hôn mỗi người trả một nửa số tiền trên, Nợ đại lý **T1** xuyên số tiền 78.000.000đ là nợ riêng của bà **T2**, bà chịu trách nhiệm trả số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, ông K' Lôs đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đề nghị Toà án giải quyết lý hôn. Ông L lại vắng mặt không có ý kiến tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà T xin ly hôn ông đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bà T được ly hôn ông L là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà T và ông L cùng xác định, vợ chồng có 02 con chung tên K' Xuân Luys, sinh ngày 03-11-2013 và Ka Kim A, sinh ngày 12-7-2019. Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, ông L cùng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đồng ý giao cháu L1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông lại vắng mặt. Xét quyền lợi của con, để đảm bảo và ổn định cuộc sống, khả năng nuôi dưỡng của mỗi bên. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp.

[4] Về tài sản: Bà T và ông L cùng xác định tài sản chung tự thoả thuận khi ly hôn không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà T xác định, vợ chồng có nợ ngân hàng C số tiền 50.000.000đ, nợ đại lý T1 xuyên số tiền 78.000.000đ. Khi ly hôn bà T chịu trách nhiệm trả cho đại lý T3, ông L trả cho ngân hàng C, quá trình giải quyết vụ án ông L không đồng ý. Xét thấy người liên quan đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến nên không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Ka T** được ly hôn ông K' Lô

2. Về con chung: Giao các con chung tên K' Xuân Luys, sinh ngày 03-11-2013 và **Ka Kim A**, sinh ngày 12-7-2019 cho bà **Ka T** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K' Lô phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Bà **Ka T** phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005661 ngày 19-3-2024 của Chi cục thi án dân sự **huyện D**.

Ông K' Lô phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng định kỳ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Sơn Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**K' My Na**